

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2021/HS-ST

Ngày: 11/6/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Tiếp;

Bà Lê Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc An - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 244/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Huy D, sinh năm 1980. tại Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số nhà 05/79 Đông L, phường Điện B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Huy H (đã chết) và bà Lê Thị M (đã chết); có vợ là Đỗ Thị Thu H (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

- Ngày 21/6/2000, bị Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi “gây thương tích”,

- Ngày 21/11/2003, bị Công an phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh nhau, gây rối trật tự công cộng”,

- Ngày 22/4/2013, bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi “Vi phạm trật tự công cộng”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/12/2020 đến ngày 27/12/2020 chuyển tạm giam, ngày 05/02/2021 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lại Ngọc P, sinh năm 1978. tại Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT: Số nhà 05/421 Hàm N, phường Đông H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lại Ngọc P (đã chết) và bà Phạm Thị L (đã

chết); tiền án: Không; tiền sự: Ngày 20/7/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng, ngày 12/9/2019 chấp hành xong; nhân thân:

- Ngày 23/02/2000, bị Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”,

- Ngày 16/3/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”,

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/12/2020 đến ngày 27/12/2020 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 17/12/2020, tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Thanh Hóa đang làm nhiệm vụ tại đường Lò C, phường Trường T, thành phố Thanh Hóa (khu vực Cầu T) bắt quả tang Lại Ngọc P đang mang 01 gói bên ngoài là băng dính màu đen, tiếp đến là lớp giấy trắng, sau lớp giấy trắng là 01 gói nilong màu trắng kích thước (01 x 01) cm, bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng. Đấu tranh sơ bộ P khai mang gói ma túy trên đi bán nhưng chưa kịp bán thì bị Công an kiểm tra phát hiện. Tổ công tác tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ tang vật chuyển Cơ quan điều tra giải quyết.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, Lại Ngọc P khai báo: P là đối tượng nghiện ma túy, P biết Nguyễn Huy D (D Lam kinh) có ma túy bán và D là bạn ngoài xã hội với Lại Ngọc S (S Hoan – là em họ P) nên tối ngày 14 rạng sáng ngày 15/12/2020, Phúc tìm gặp S và nhờ S gọi điện nói với D bán cho ít ma túy (vì P không quen biết nên P có gọi thì D cũng không bán ma túy cho P). S đồng ý rồi dùng điện thoại gọi cho D. Sau đó S nói với P gọi điện lại cho D, P gọi điện thoại cho D và nói “ S đã gọi cho anh chưa”, D nói “rồi”. P nói “Anh ở đâu để em qua lấy”. D nói với P đến nhà trọ của D ở số nhà 31 Trần Nguyên H, phường Đông T, thành phố Thanh Hóa. Sau đó Phúc đến nhà trọ của D gặp D và đưa cho D 1.600.000 đồng. D nhận tiền rồi đưa cho P 01 gói nilong màu trắng kích thước (04 x 04) cm. P cầm gói ma túy D đưa rồi đi về nhà. Khi P về tới nhà thì S từ nhà S đi sang, P rủ S cùng sử dụng ma túy nhưng S không sử dụng. Sau đó S đi về, P lấy gói ma túy ra sử dụng, P sử dụng một phần còn lại một phần đem cất để dành. Đến tối ngày 17/12/2020, P nảy sinh ý định mang số ma túy còn lại đem đi bán. Khoảng 22 giờ 15 phút, P đã lấy số ma túy còn lại cho vào gói nilong nhỏ rồi bọc băng dính đen bên ngoài sau đó cầm gói ma túy ra đường Lò C, phường Trường T, thành phố Thanh Hóa tìm người để bán. Tuy

nhiên chưa kịp bán thì bị lực lượng Công an kiểm tra thu giữ. Việc P nhờ S gọi điện cho D để mua ma túy chỉ có P và S biết, ngoài ra không có ai khác biết việc này, việc P mang ma túy đi bán S cũng không biết.

Căn cứ lời khai của Lại Ngọc P, cơ quan Cơ quan Công an thành phố Thanh Hóa đã tiến hành đến phòng trọ của Nguyễn Huy D triệu tập D đến trụ sở cơ quan Cảnh sát điều tra để làm rõ việc bán ma túy cho P. Tuy nhiên khi nhìn thấy Công an đến phòng trọ của mình, Nguyễn Huy D đã xin đầu thú và tự nguyện giao nộp 06 gói nilong màu trắng, trong đó 03 gói có kích thước (02 x 02) cm, 01 gói kích thước (04 x 04) cm và 02 gói kích thước (05 x 08) cm, bên trong mỗi gói đều có các hạt tinh thể màu trắng, D khai nhận đó là 06 gói ma túy đá D cất giấu để bán. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành lập biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu đối với 06 gói nilong và 02 điện thoại di động gồm một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, đen, gắn số thuê bao 0968528008, một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, đen (vỏ sau dán màu trắng), gắn sim số thuê bao 0888136836 do D giao nộp đồng thời đưa D về trụ sở để làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Huy D khai nhận: Rạng sáng ngày 15/12/2020, D đang ở phòng trọ thì nhận được điện thoại của Lại Ngọc S, S hỏi D “ anh có ma túy đá bán không” D trả lời “có”, S nói “vậy để em nói với anh P khèo gọi cho anh để lấy”, sau đó P gọi điện cho D và nói “ S điện cho anh chưa”, D nói “ rồi”, đồng thời D hỏi “lấy nhiều không”, P nói “ lấy 1.600.000 đồng ma túy đá” sau đó D cho P địa chỉ nơi ở của D. Một lúc sau P đến và đưa cho D 1.600.000 đồng, D cầm tiền rồi đưa cho P 1 gói ma túy đá. Về nguồn gốc số ma túy D bán cho P và số ma túy Dg giao nộp cho cơ quan điều tra là do chiều ngày 14/12/2020, D mua của H (H lợn) nhà ở thôn Tân D, xã Đông T, thành phố Thanh Hóa với giá 2.500.000 đồng 1 gói, sau đó D mang về nhà chia nhỏ thành 07 gói, mới bán cho P 01 gói số còn lại chưa kịp bán nên mang ra giao nộp.

Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành trưng cầu giám định đối với số ma túy thu giữ từ P và số ma túy do D giao nộp.

Tại bản kết luận giám định số 75/PC09 ngày 22/12/2020, của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, tổng khối lượng 0,372 gam loại Methamphetamin (số ma túy thu của P).

Tại bản giám định số 103/PC09 ngày 23/12/2020, của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, tổng khối lượng 1,088 gam loại Methamphetamin. (số ma túy thu của D).

Căn cứ lời khai của Nguyễn Huy D, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập Nguyễn Thế H, sinh 1983 trú tại thôn Tân D, xã Đông T, thành phố Thanh Hóa để làm việc. Tại cơ quan điều tra Hiệp khai báo có biết D và không có mâu thuẫn gì

với D. Việc D khai Hiếp bán ma túy cho D là không đúng, ngày 15/12/2020 H không gặp D. Tiến hành đối chất cả hai đều giữ nguyên lời khai của mình. Ngoài lời khai của D cơ quan Cảnh sát điều tra không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh H đã bán ma túy cho D. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý đối với H.

Đối với Lại Ngọc S, người đã gọi điện thoại giúp Phúc, để P mua ma túy từ Nguyễn Huy D. Quá trình điều tra đã xác định S có gọi điện cho D từ đó D mới đồng ý bán ma túy cho P. Nhưng mục đích lúc này của P chỉ là mua ma túy để sử dụng, sau khi mua được ma túy P đã sử dụng hết một phần, S không sử dụng ma túy cùng với P. Việc ngày hôm sau P mang ma túy đi bán S hoàn toàn không biết, S gọi điện giúp P để P mua được ma túy của D thì S không được hưởng lợi gì từ P và D. Do đó xác định hành vi của S chưa đến mức chịu trách nhiệm hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giáo dục, nhắc nhở, yêu cầu S không được tiếp tục vi phạm.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã thu giữ của Lại Ngọc P: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105, màu đen gắn số thuê bao 0941815703 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng bạc, gắn số thuê bao 0971656812.

Bản cáo trạng số 136/CT-VKS ngày 11/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá truy tố bị cáo Nguyễn Huy D, Lại Ngọc P về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Huy D từ 36 đến 42 tháng tù.

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Lại Ngọc P từ 30 đến 36 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo Phúc từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của các bị cáo còn lại sau giám định, tịch thu nộp ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại di động các bị cáo dùng để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy và trả lại cho các bị cáo hai chiếc điện thoại di động không dùng vào việc phạm tội.

Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung truy tố của cáo trạng và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa các bị cáo khai: Chiều ngày 14/12/2020, bị cáo Nguyễn Huy D mua được một gói ma túy đá với giá 2.500.000 đồng, sau đó D mang về nhà chia nhỏ thành 07 gói. Rạng sáng ngày 15/12/2020, tại phòng trọ của mình ở số 31 Trần Nguyên H, phường Đông T, thành phố Thanh Hóa, bị cáo D bán cho bị cáo Lại Ngọc P 01 gói ma túy với giá 1.600.000 đồng, số ma túy còn lại bị cáo D chưa kịp bán thì khi gặp Công an D đã tự giác giao nộp. Đối với bị cáo P, sau khi mua được 01 gói ma túy của bị cáo D, P mang về nhà sử dụng hết một phần, phần còn lại P đem cất giấu đến khoảng 22 giờ 30 phút ngày 17/12/2020, P đem số ma túy còn lại đi bán thì bị Công an bắt quả tang tại đường Lò C, phường Trường T, thành phố Thanh Hóa (khu vực Cầu T).

Số ma túy thu giữ của Lại Ngọc P qua giám định có tổng khối lượng 0,372 gam loại Methamphetamin.

Số ma túy thu giữ của Nguyễn Huy D qua giám định có tổng khối lượng 1,088 gam loại Methamphetamin.

Như vậy tổng khối lượng ma túy mà Nguyễn Huy D phải chịu trách nhiệm hình sự là 1,460 gam Methamphetamin.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo Phúc và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Huy D, Lại Ngọc P có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, các bị cáo có đủ nhận thức để biết rằng các loại ma túy là chất gây nghiện được nhà nước thống nhất quản lý, nghiêm cấm mọi hành vi phạm tội liên quan đến ma túy nhưng vì hám lời các bị cáo vẫn cố ý mua bán trái phép chất ma túy. Mặt khác hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an tại địa phương và là một trong những nguyên nhân dẫn đến tội phạm và các tệ nạn xã hội khác.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Huy D đã nhiều lần bị các Cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính: Ngày 21/6/2000, bị Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi “gây thương tích”, ngày 21/11/2003, bị Công an phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh nhau, gây rối trật tự công cộng”, ngày 22/4/2013, bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi “Vi phạm trật tự công cộng”. Tuy nhiên quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, sau khi thực hiện hành vi phạm tội và bị phát hiện bị cáo đã tự giác đầu thú về hành vi phạm tội của mình vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 5 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo D.

Bị cáo Lại Ngọc P có một tiền sự: Ngày 20/7/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng, ngày 12/9/2019 chấp hành xong; nhân thân: Ngày 23/02/2000, bị Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 16/3/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo không lấy đây làm bài học để rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo P đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, sớm cải tạo thành người công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là độc lập. Mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số ma túy mà mình mua bán trái phép.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo D, P phạm tội vì mục đích lợi nhuận, vì vậy ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng:

Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong hai phong bì thư, hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá là vật cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật

Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu huỷ toàn bộ số ma túy này.

Đối với một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, đen, gắn số thuê bao 0968528008 D dùng để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy; một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng bạc, gắn số thuê bao 0971656812 P dùng liên lạc mua bán trái phép chất ma túy. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội vì vậy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, đen (vỏ sau dán màu trắng), gắn sim số thuê bao 0888136836 do D giao nộp và và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105, màu đen gắn số thuê bao 0941815703 thu giữ của P, đây là tài sản cá nhân của các bị cáo, không sử dụng vào việc phạm tội vì vậy căn cứ khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để trả lại cho các bị cáo.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ Luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Huy D, Lại Ngọc P;

Căn cứ khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Huy D.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Huy D, Lại Ngọc P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Nguyễn Huy D 40 (bốn mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2020 đến ngày 05/02/2021.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo D 5.000.000 đồng.

Xử phạt: Lại Ngọc P 36 (ba sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 17/12/2020.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo P 5.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy sổ ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 02 phong bì được đóng dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen, kèm sim điện thoại (điện thoại của Nguyễn Huy D).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, kèm sim điện thoại (điện thoại của Lại Ngọc P).

- Trả lại cho Nguyễn Huy D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, đen (vỏ sau dán màu trắng) kèm sim điện thoại; trả lại cho Lại Ngọc P 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu đen kèm sim điện thoại.

Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng số 169/THA ngày 27/5/2021 giữa Công an thành phố Thanh Hóa với Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Bị cáo Nguyễn Huy D, Lại Ngọc P, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Phương